

Số: 755/TM-KSBT Bình Thuận, ngày 04 tháng 6 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận có nhu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng kế hoạch mua sắm hóa chất trong năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận.
- Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Cách thức thức nhận báo giá (một trong các hình thức sau):
 - Nộp qua địa chỉ email: vanthuksbt@syt.binhthuan.gov.vn
 - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận tại địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Số điện thoại: 0252.3834.536
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 04 tháng 6 năm 2025 đến trước 16h00 ngày 15 tháng 6 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu **120** ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục yêu cầu báo giá** (phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp:** Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh kính mời các đơn vị có đủ khả năng, năng lực tham gia chào giá theo các yêu cầu nêu trên.

Rất mong được sự hợp tác của các đơn vị ./. *me*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (Báo cáo);
- Các Phó giám đốc TTKSBT (để biết);
- Website: <https://cdcbinhthuan.vn>
- Lưu: VT; KHN.V.

GIÁM ĐỐC

[Signature]
Võ Văn Hạnh

DANH MỤC HÓA CHẤT NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

STT	Danh mục	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách/Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/ tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Đường glucose	Việt Nam	Việt Nam	75g/l gói	Gói	300	Khoa KLN
2	Chất thử chlorine DPD No1	Anh	Anh	250 test/ hộp	Test	750	SKMT
3	Amonium chlorid NH_4Cl	Merck	Đức	500gr/chai, tinh thể màu trắng, không mùi, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
4	Ống chuẩn Titriplex 0,1M	Merck	Đức	1 ống/hộp, Nồng độ chính xác 0,1mol/l, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Ống	1	XN
5	Natri oxalat $\text{Na}_2\text{C}_2\text{O}_4$	Merck	Đức	250 gr/chai, độ tinh khiết 99,8% sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
6	Chuẩn KMnO_4 0,02mol/l	Merck	Đức	1000ml/chai, Nồng độ chính xác 0,02mol/l, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
7	Bariumchlorid $\text{BaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	Merck	Đức	500 gr/chai, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
8	1,10 Phenanthroline-monohydrat	Merck	Đức	10 gr/chai, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
9	Dung dịch chuẩn gốc Fe 1000mg/l	Merck	Đức	500 ml/ chai, có hàm lượng 1000mg/l Fe, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
10	Ống chuẩn Axit oxalic 0,1 N	Merck	Đức	1 ống/hộp, Nồng độ chính xác 0,1N, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Ống	1	XN

11	Ống chuẩn HCl 0,1 N	Merck	Đức	1 ống/hộp, Nồng độ chính xác 0,1N, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Ống	1	XN
12	Dung dịch chuẩn pH 4.0	Merck	Đức	1000 ml/ chai, chất lỏng, ở 25OC có pH =4.0±0,02, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
13	Dung dịch chuẩn pH 7.0	Merck	Đức	1000 ml/ chai, chất lỏng, ở 25OC có pH =7.0±0,02, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
14	Dung dịch chuẩn pH 10.0	Merck	Đức	1000 ml/ chai, chất lỏng, ở 25OC có pH =10±0,02, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
15	Dung dịch KCl 3M	Merck	Đức	100 ml/ chai, bảo vệ điện cực máy pH, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
16	MgO	Merck	Đức	500 gr/ chai, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
17	Natri hydroxit NaOH	Merck	Đức	1kg/ chai, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
18	Sulfuric acid 98% H ₂ SO ₄	Merck	Đức	1000 ml/ chai, chất lỏng có nồng độ 98%, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích	Chai	1	XN
19	Chromocult® Coliform Agar	Merck	Đức	Môi trường vi sinh dạng hạt, Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 9308 - 1 Quy cách đóng gói: 500 gr/hộp Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Chai	1	XN
20	E.coli/Coliform Selective-Supplement	Merck	Đức	Dạng bột, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh Quy cách: 10 lọ/hộp, Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Hộp	1	XN

21	Tryptic soy agar	Merck	Đức	Môi trường vi sinh dạng hạt. Quy cách đóng gói: 500 g/hộp . Ứng dụng: Để phân lập và nuôi cấy nhiều loại vi sinh vật từ các vật liệu khác nhau; Kiểm tra số lượng vi sinh vật. Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Chai	1	XN
22	Bactident® oxidase	Merck	Đức	Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh. Quy cách đóng gói: 50 test/hộp Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Hộp	5	XN
23	Egg Yolk tellurite Emulsion 20%	Merck	Đức	Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh. Quy cách: 50 ml x 10 chai/hộp Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Chai	1	XN
24	Baird - Parker agar	Merck	Đức	Môi trường vi sinh dạng hạt, Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 6888, ISO 22178, FDA - BAM hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: 500 gr/hộp Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Chai	1	XN
25	Bactident Coagulase	Merck	Đức	Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 6888, ISO 22718, FDA-BAM hoặc tương đương Quy cách đóng gói: 3 ml x 6lọ/hộp Hạn sử dụng ≥ 3 năm	Hộp	1	XN
26	Peptone salt solution (Maximum recovery diluent)	Merck	Đức	Môi trường vi sinh dạng hạt, Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 6887 và ISO 8199 Quy cách đóng gói: 500 gr/hộp Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Hộp	1	XN



27	Pseudomonas CFC/CN agar (base)	Merck	Đức	Môi trường vi sinh dạng hạt, Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13720 và ISO 16266 Quy cách đóng gói: 500 gr/hộp Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Chai	1	XN
28	Pseudomonas CN Selective (Supplement)		Đức	Dạng bột, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh Quy cách: 10 lọ/hộp, Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Hộp	1	XN
29	Cồn 70 độ	Việt Nam	Việt Nam	Thành phần: 70% Ethanol Quy cách: Chai/1 lít	Chai	33	XN(30) KLN (3)
30	Cồn 90 độ	Việt Nam	Việt Nam	Thành phần: 90% Ethanol. Quy cách: Chai/ 1 lít	Chai	10	XN
31	Fedona 10SC	Công ty Basf	Germany	Chai 1 lít	Lít	150	SR
32	Giêmsa	Merck KGaA	Germany	chai 500ml	Chai	20	SR
33	Dầu soi kính hiển vi	Merck KGaA	Germany	chai 500ml	Chai	10	SR
34	Chloramin B		CH Sec	Phân loại: Mùi Clo đặc trưng, Hoạt chất: Sodium N-chlorobenzenesulfonamide (chloramine B).25% chlorine, Thời gian cách li từ 1-2 tiếng sau khi xử lý, Đặc trị: Khử trùng, diệt khuẩn, Hạn sử dụng: 5 năm (kể từ ngày sản xuất).	Kg	300	TCM
35	Hoá chất phun phòng chống Sốt xuất huyết: Fudona-Co-Max Insecticide Hoạt chất 4,87 % w/w.Transfluthrin + 2,44%w/w .Flupyradifurone)	Bayer AG	Đức	Tác dụng: Diệt muỗi. Phạm vi sử dụng: Dùng trong gia dụng và y tế. Liều lượng và phương pháp sử dụng: Phun ULV ngoài nhà: pha 200ml chế phẩm với 1 lít nước phun 570 ml dung dịch cho 1 ha.Phun ULV trong nhà: pha 10ml chế phẩm với 1 lít nước, phun 500ml cho 1000 m3. Hạn sử dụng: 3 năm (kể từ ngày sản xuất)	Lít	200	SXH
36	EA-50	Merck	Germany	500ml/chai	Chai	6	SKSS

37	Hematoxyclyne	Merck	Germany	500ml/chai	Chai	6	SKSS
38	OG-6	Merck	Germany	500ml/chai	Chai	6	SKSS
39	HCl 0,25%		Việt Nam	500ml/chai	Chai	6	SKSS
40	Dầu soi kính hiển vi	Merck	Germany	lọ50ml	Lọ	2	SKSS
41	Cồn 96 độ			chai/1 lít	Lít	40	SKSS

